Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
Digitally signed by Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=Tập Đoàn Dệt May Việt Nam, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100100008
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-08-27 17:04:40

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg Ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008 Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 3 tháng 9 năm 2020. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch
	Ông Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
	Ông Vũ Hồng Tuấn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Ủy viên *(từ ngày 29/6/2021)*
	Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên *(đến ngày 29/6/2021)*
Cơ quan Tổng Giám đốc	Ông Đặng Vũ Hùng	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Hữu Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Trị	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Xuân Trình	Giám đốc điều hành *(từ ngày 29/3/2021)*
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng ban
	Bà Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên
	Bà Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên
	Bà Nguyễn Lê Trà My	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên *(đến ngày 29/6/2021)*
Trụ sở đăng ký	25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

M.S.D.N: 0100100008 - C.T.C.P - TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Đặng Vũ Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.

KPMG

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 21-02-00241-R-21-1

M.S.D.N: 0100112042 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3073-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Hà Nội, 27 -08- 2021

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.559.253.138.713**	**2.352.207.051.966**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**8**	**74.012.637.863**	**73.800.360.481**
Tiền	111		58.828.953.246	63.416.675.864
Các khoản tương đương tiền	112		15.183.684.617	10.383.684.617
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.158.304.700.000**	**935.258.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	1.158.304.700.000	935.258.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.102.633.283.391**	**1.208.458.211.373**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	303.271.243.702	261.773.732.407
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	82.915.099.818	52.006.149.027
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	212.809.679.062	226.733.263.412
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	504.335.322.709	668.643.128.427
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(698.061.900)	(698.061.900)
Hàng tồn kho	**140**	**15**	**206.362.791.197**	**119.193.362.275**
Hàng tồn kho	141		210.898.518.299	122.643.076.577
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.535.727.102)	(3.449.714.302)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**17.939.726.262**	**15.497.117.837**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.132.729.773	2.712.193.311
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.586.546.577	12.389.704.327
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	220.449.912	395.220.199

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**5.828.158.324.600**	**5.913.814.394.191**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.585.529.260.082**	**1.631.078.372.621**
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.312.108.371.005	1.345.827.410.069
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	273.420.889.077	285.250.962.552
Tài sản cố định	**220**		**1.042.793.161.432**	**1.100.734.295.866**
Tài sản cố định hữu hình	221	16	982.347.643.789	1.039.404.891.409
Nguyên giá	222		*1.720.903.439.774*	*1.724.871.413.805*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(738.555.795.985)*	*(685.466.522.396)*
Tài sản cố định vô hình	227	17	60.445.517.643	61.329.404.457
Nguyên giá	228		*81.790.248.511*	*81.790.248.511*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(21.344.730.868)*	*(20.460.844.054)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**89.537.758.649**	**65.060.414.073**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	89.537.758.649	65.060.414.073
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**9(b)**	**3.062.662.425.359**	**3.064.771.104.226**
Đầu tư vào công ty con	251		2.142.081.329.010	2.142.081.329.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.054.718.469.630	1.082.737.329.878
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.758.224.260	55.758.224.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(189.895.597.541)	(215.805.778.922)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**47.635.719.078**	**52.170.207.405**
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	47.635.719.078	52.170.207.405
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**8.387.411.463.313**	**8.266.021.446.157**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**2.488.479.387.139**	**2.453.586.628.518**
Nợ ngắn hạn	**310**		**640.664.472.328**	**512.771.354.863**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	171.182.546.180	100.377.686.931
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	19.352.994.712	4.158.812.248
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	6.359.067.765	4.058.327.777
Phải trả người lao động	314		23.705.492.362	23.381.281.404
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	3.610.437.366	3.995.368.142
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		431.757.575	447.293.939
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	19.920.808.601	33.416.731.354
Vay ngắn hạn	320	25(a)	355.551.104.554	317.232.610.967
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	40.550.263.213	25.703.242.101
Nợ dài hạn	**330**		**1.847.814.914.811**	**1.940.815.273.655**
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	21.819.456.000	22.768.128.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		35.500.000	248.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		456.660.730	402.584.805
Vay dài hạn	338	25(b)	1.825.503.298.081	1.917.396.060.850
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**		**5.898.932.076.174**	**5.812.434.817.639**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**27**	**5.873.655.118.722**	**5.786.137.046.677**
Vốn cổ phần	411	28	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.000.000.000.000*	*5.000.000.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		300.200.341.275	212.682.269.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*192.682.269.230*	*66.480.116.833*
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	*421b*		*107.518.072.045*	*146.202.152.397*
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	29	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**25.276.957.452**	**26.297.770.962**
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	30	25.276.957.452	26.297.770.962
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**8.387.411.463.313**	**8.266.021.446.157**

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:		Người duyệt
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**32**	**542.017.627.934**	**541.979.573.549**
Giá vốn hàng bán	**11**	**33**	**456.578.575.826**	**489.055.897.095**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**85.439.052.108**	**52.923.676.454**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	76.914.591.071	76.750.004.385
Chi phí tài chính	22	35	(6.094.807.000)	42.432.852.028
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		19.376.022.354	*36.335.033.816*
Chi phí bán hàng	25	36	21.921.549.918	35.408.653.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	40.929.576.501	46.502.948.545
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**105.597.323.760**	**5.329.226.310**
Thu nhập khác	31		4.849.090.909	5.375.200.355
Chi phí khác	32		2.928.342.624	305.753
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.920.748.285**	**5.374.894.602**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**107.518.072.045**	**10.704.120.912**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**39**	**-**	**-**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	**60**		**107.518.072.045**	**10.704.120.912**

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

M.S.D.N: 0100100008 - C.T.C.P TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**107.518.072.045**	**10.704.120.912**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		55.386.135.475	56.989.704.669
Các khoản dự phòng	03		(24.824.168.581)	1.713.174.190
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(552.630.617)	3.641.804.261
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(77.304.519.449)	(73.462.327.220)
Chi phí lãi vay	06		19.376.022.354	36.335.033.816
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**79.598.911.227**	**35.921.510.628**
Biến động các khoản phải thu	09		(24.652.867.881)	(112.011.187.660)
Biến động hàng tồn kho	10		(88.255.441.722)	(33.499.253.831)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		92.829.476.186	(42.712.397.631)
Biến động chi phí trả trước	12		(536.474.611)	2.526.397.002
			58.983.603.199	(149.774.931.492)
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.833.653.187)	(38.211.213.434)
Tiền trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp	17		-	(357.614.866.635)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.152.978.888)	(3.748.088.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**33.996.971.124**	**(549.349.100.449)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(71.774.573.250)	(24.722.590.111)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.849.090.909	-
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(617.346.700.000)	(676.850.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		436.581.871.225	1.145.275.476.955
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(34.461.056.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		47.846.700.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		210.729.922.774	178.034.973.067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**10.886.311.658**	**587.276.803.911**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		302.475.429.773	338.470.267.209
Tiền trả nợ gốc vay	34		(347.154.697.945)	(343.482.050.479)
Tiền trả cổ tức	35		(2.953.000)	(2.703.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(44.682.221.172)**	**(5.014.486.270)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**201.061.610**	**32.913.217.192**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**73.800.360.481**	**87.308.080.590**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**		**11.215.772**	**446.776.625**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**8**	**74.012.637.863**	**120.668.074.407**

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

M.S.D.N: 0100100008 - C.T.C.P TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Tập đoàn") được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cẩu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(e) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết (1/1/2021: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 615 nhân viên (1/1/2021: 672 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn đã phân bổ toàn bộ số lỗ còn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59") và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(iv) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là thu nhập từ cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức, và theo đó, lợi nhuận trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp hơn trong nửa đầu năm so với nửa cuối năm.

Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là 194.717 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 301.406 triệu VND) và lợi nhuận trước thuế trước hợp nhất đạt 243.016 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 291.170 triệu VND).

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoại trừ các vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thoái toàn bộ vốn ở một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	2.229.770.544	1.843.261.851
Tiền gửi ngân hàng	56.498.285.452	61.461.615.473
Tiền đang chuyển	100.897.250	111.798.540
Các khoản tương đương tiền	15.183.684.617	10.383.684.617
	74.012.637.863	73.800.360.481

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 7.562 triệu VND (1/1/2021: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 24(i)).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.158.304.700.000	1.164.896.144.875	935.258.000.000	945.618.000.559

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 6,1% (1/1/2021: 3,0% đến 7,5%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2021: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)(ii)).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021					1/1/2021				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ **Công ty con**										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(21.701.148.756)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(12.474.151.268)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(19.407.955.167)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(19.271.678.832)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(54.168.958.968)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(98.655.224.059)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(54.996.937.345)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(44.626.666.517)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	(2.939.865.693)	(*)
			2.142.081.329.010	(176.307.500.236)				2.142.081.329.010	(204.000.086.369)	

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2021					1/1/2021				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	-	-	-	-	(*)	21,21%	21,21%	28.018.860.248	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			312.976.679.391	(543.856.032)	(*)			312.976.679.391	(410.864.901)	(*)
			1.054.718.469.630	(543.856.032)				1.082.737.329.878	(410.864.901)	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,5%	2,5%	19.450.204.510	(13.044.241.273)		2,5%	2,5%	19.450.204.510	(11.394.827.652)	
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-		18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	
• Các khoản đầu tư khác			30.002.094.390	-				30.002.094.390	-	
			55.758.224.260	(13.044.241.273)				55.758.224.260	(11.394.827.652)	
			3.252.558.022.900	(189.895.597.541)				3.280.576.883.148	(215.805.778.922)	

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết (1/1/2021: có 13 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	17.009.613.150	16.441.175.672
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3	77.939.882.630	58.236.541.021
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	4.313.813.909	61.485.672
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	70.093.907.911	64.593.907.911
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	39.418.491.502	6.495.878.860
▪ Các công ty con khác	2.409.740.300	2.235.112.715
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	9.900.000
▪ Các công ty liên kết khác	389.047.994	348.221.174
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	38.401.189.143	66.417.465.501
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	14.290.687.569	280.832.588
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	13.237.522.061	12.916.052.995
▪ Xiamen ITG Group Corp., Ltd	-	2.551.702.579
▪ Các khách hàng khác	25.767.347.533	31.185.455.719
	303.271.243.702	261.773.732.407

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	19.462.747.660	19.462.747.660
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	-	12.746.104.727
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	3.201.876.615	3.127.067.340
Trả trước cho người bán là bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	9.533.312.362	9.533.312.362
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	41.697.937.991	-
▪ Các nhà cung cấp khác	9.019.225.190	7.136.916.938
	82.915.099.818	52.006.149.027

12. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	65.000.000.000	71.423.584.350
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	48.799.388.608	32.599.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	23.700.000.000
Phải thu về cho vay các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
	212.809.679.062	226.733.263.412

(*) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không tính lãi.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi theo lãi suất năm từ 0% đến 9% (1/1/2021: từ 0% đến 9%).

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	524.066.212.406	531.150.923.620
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i) – công ty con cấp 2	2035	214.108.421.857	217.002.896.414
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	210.816.724.804	213.666.699.872
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2035	132.607.327.707	134.400.010.740
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (ii)	2022	16.200.000.000	32.400.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	80.100.764.302	81.183.625.042
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (i)	2035	74.884.045.647	75.896.383.023
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	59.324.874.282	60.126.871.358
		1.312.108.371.005	1.345.827.410.069

(i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 25(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.

(ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 5,6% đến 9% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2020: từ 7% đến 8,8% một năm).

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải thu	190.991.374.295	338.608.618.393
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (*)	136.932.000.001	136.932.000.001
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	79.461.824.619	89.688.194.717
Tiền lãi cho vay	18.504.828.395	27.361.743.394
Lãi tiền gửi	6.591.444.875	10.360.000.559
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	20.205.443.387	20.205.443.387
Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân (**)	15.381.160.391	15.381.160.391
Phải thu Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Tạm ứng cho công nhân viên	1.990.082.320	1.403.311.751
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.955.164.426	12.380.655.834
	504.335.322.709	668.643.128.427

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

(**) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân và giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con này được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn Dệt May sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	30.586.482.242	80.931.462.757
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – công ty con cấp 2	153.052.924.774	156.664.174.732
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	104.544.016	4.556.715.583
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	22.217.748.638	22.236.413.809
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	65.328.707.066	68.375.247.853
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	-	2.557.875.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	111.827.278	5.230.778.270
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	11.691.080.861	20.946.715.558
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	79.461.824.619	89.688.194.717
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	16.320.000.000
▪ Các công ty con khác	14.666.796.211	16.112.498.145
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	26.811.840.000	80.435.520.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	16.753.500.000	16.753.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	8.384.271.360	11.384.271.360
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	6.048.000.000	6.048.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	6.338.446.000	6.338.446.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	12.272.877.600
▪ Các công ty liên kết khác	23.459.830.506	38.862.777.175
	481.337.823.571	655.715.468.559

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	98.372.700.131	110.202.773.606
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.533.252.508
Khác	18.286.359	18.286.359
	273.420.889.077	285.250.962.552

(i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2016 và 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 25(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.

(ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021				1/1/2021		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Dệt may Hưng Yên	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-
		698.061.900	(698.061.900)	-		698.061.900	(698.061.900)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(698.061.900)				(698.061.900)	

15. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	58.630.217.406	-	37.836.716.954	-
Nguyên vật liệu	110.273.126.189	(1.355.019.429)	52.222.108.064	(1.644.212.603)
Công cụ và dụng cụ	2.222.501.781	-	2.361.874.235	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.653.029.846	-	9.287.946.452	-
Thành phẩm	25.493.756.599	(3.180.707.673)	16.140.574.475	(1.805.501.699)
Hàng hóa	3.625.886.478	-	4.793.856.397	-
	210.898.518.299	(4.535.727.102)	122.643.076.577	(3.449.714.302)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 1.335 triệu VND nguyên vật liệu và 13.142 triệu VND thành phẩm (1/1/2021: 1.215 triệu VND nguyên vật liệu và 16.141 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa. vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	537.700.981.864	1.088.133.822.637	50.998.061.319	48.038.547.985	1.724.871.413.805
Tăng trong kỳ	112.042.203	104.996.480	-	235.901.791	452.940.474
Thanh lý	(4.420.914.505)	-	-	-	(4.420.914.505)
Số dư cuối kỳ	533.392.109.562	1.088.238.819.117	50.998.061.319	48.274.449.776	1.720.903.439.774
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	212.646.988.773	412.810.450.105	31.244.104.517	28.764.979.001	685.466.522.396
Khấu hao trong kỳ	13.338.842.031	37.676.739.295	1.772.155.510	2.114.111.735	54.901.848.571
Thanh lý	(1.812.574.982)	-	-	-	(1.812.574.982)
Số dư cuối kỳ	224.173.255.822	450.487.189.400	33.016.260.027	30.879.090.736	738.555.795.985
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	325.053.993.091	675.323.372.532	19.753.956.802	19.273.568.984	1.039.404.891.409
Số dư cuối kỳ	309.218.853.740	637.751.629.717	17.981.801.292	17.395.359.040	982.347.643.789

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 101.531 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 97.176 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 760.460 triệu VND (1/1/2021: 800.614 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	78.833.849.210	2.956.399.301	81.790.248.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	18.198.824.608	2.262.019.446	20.460.844.054
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	64.521.426	883.886.814
Số dư cuối kỳ	19.018.189.996	2.326.540.872	21.344.730.868
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	60.635.024.602	694.379.855	61.329.404.457
Số dư cuối kỳ	59.815.659.214	629.858.429	60.445.517.643

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 1.980 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 1.980 triệu VND).

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	65.060.414.073	44.551.177.250
Tăng trong kỳ	24.477.344.576	14.094.144.452
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(10.633.205.454)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(30.922.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(3.300.213.000)
Số dư cuối kỳ	89.537.758.649	44.680.981.248

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	18.841.452.363
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.089.929.018	5.089.929.018
Cao ốc Văn Phòng - Căn hộ Vinatex Building	58.007.669.937	34.952.147.919
Các công trình khác	7.598.707.331	6.176.884.773
	89.537.758.649	65.060.414.073

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.416 triệu VND (1/1/2021: 22.416 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	41.948.300.795	6.734.362.572	3.029.212.876	458.331.162	52.170.207.405
Tăng trong kỳ	-	2.452.168.050	-	119.349.306	2.571.517.356
Phân bổ trong kỳ	(621.213.600)	(3.159.384.486)	(3.029.212.876)	(296.194.721)	(7.106.005.683)
Số dư cuối kỳ	41.327.087.195	6.027.146.136	-	281.485.747	47.635.719.078

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	-	122.549.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	51.172.775	51.044.050
▪ Các công ty con khác	417.087.681	616.253.003
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	54.531.890.534
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	4.061.855.959	357.575.726
▪ Các công ty liên kết khác	301.471.538	874.324.814
Phải trả người bán khác		
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	7.479.252.912	1.445.562.329
▪ CDI Cotton Distributorn INC	9.037.146	9.074.279
▪ Agrograin Ltd. Sucursal Uruguay	168.300.884	23.516.803.590
▪ Viterra B.V.	69.650.297.264	-
▪ Faircot S.A.	22.608.635.539	-
▪ Louis Dreyfus Company Suisse SA	14.747.545.614	69.669.015
▪ Otto Stadtlander GmbH	14.542.272.845	-
▪ Paul Reinhart AG	13.416.116.625	2.204.051
▪ Mambo Commodities	11.846.142.830	-
▪ Các nhà cung cấp khác	11.883.356.568	18.780.736.252
	171.182.546.180	100.377.686.931

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Oliveira & Carvalho, Lda.	1.595.340.849	-
Xiamen Zhanglong Import and Export Co, Ltd.	-	1.545.468.384
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính	14.502.500.000	-
Các khách hàng khác	3.255.153.863	2.613.343.864
	19.352.994.712	4.158.812.248

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
Văn phòng	*220.220.199*	-	-	*220.220.199*
Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.251.017	(26.251.017)	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	*10.517.442*	*(10.517.442)*	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	*15.733.575*	*(15.733.575)*	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.877.410	(38.647.697)	229.713
Trung tâm Thời trang Vinatex	-	*38.877.410*	*(38.647.697)*	*229.713*
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	175.000.000	489.622.158	(664.622.158)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	*175.000.000*	*412.440.810*	*(587.440.810)*	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	*77.181.348*	*(77.181.348)*	-
	395.220.199	554.750.585	(729.520.872)	220.449.912

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2021 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.685.449.333	25.472.188.868	-	(12.116.699.878)	(10.813.533.428)	6.227.404.895
Văn phòng	*500.406.419*	*6.482.432.921*	-	*(1.074.637.793)*	*(5.730.077.541)*	*178.124.006*
Nhà máy Sợi Phú Cường	*2.411.015.634*	*16.664.187.625*	-	*(9.316.370.384)*	*(3.798.676.694)*	*5.960.156.181*
Nhà máy Sợi Nam Định	-	*728.699.161*	-	-	*(728.699.161)*	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	*774.027.280*	*1.596.869.161*	-	*(1.725.691.701)*	*(556.080.032)*	*89.124.708*
Các loại thuế khác	164.232.866	-	1.371.996.072	(1.404.939.231)	-	131.289.707
+ Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	*3.000.000*	*(3.000.000)*	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	-	-	*2.000.000*	*(2.000.000)*	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	164.232.866	-	1.363.996.072	(1.396.939.231)	-	131.289.707
Văn phòng	*102.733.548*	-	*1.319.600.324*	*(1.302.629.433)*	-	*119.704.439*
Nhà máy Sợi Nam Định	*33.790.619*	-	*19.244.271*	*(52.701.982)*	-	*332.908*
Nhà máy Sợi Phú Cường	*24.499.807*	-	*25.151.477*	*(38.398.924)*	-	*11.252.360*
Trung tâm Thời trang Vinatex	*3.208.892*	-	-	*(3.208.892)*	-	-

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2021 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2021 VND
Các khoản phải nộp khác						
Tiền thuê đất	-	-	5.985.976.229	(5.985.976.229)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	*4.620.255.058*	*(4.620.255.058)*	-	-
Văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	*1.365.721.171*	*(1.365.721.171)*	-	-
Các khoản phải nộp khác	208.645.578	-	320.003.101	(528.275.516)	-	373.163
Văn phòng Hà Nội	*208.645.578*	-	*320.003.101*	*(528.275.516)*	-	*373.163*
	4.058.327.777	25.472.188.868	7.677.975.402	(20.035.890.854)	(10.813.533.428)	6.359.067.765

23. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	206.367.690	266.459.598
Chi phí phải trả khác	2.455.397.676	2.780.236.544
	2.661.765.366	3.046.696.142
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	3.610.437.366	3.995.368.142

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	22.768.128.000	23.716.800.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	21.819.456.000	22.768.128.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055), được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.693.254.921
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt kim Đông xuân		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.055.465.397
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 – Phải trả khác	-	522.970.203
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa	-	5.375.748.524
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán chi phí cổ phần hóa	-	1.300.091.928
Các bên khác		
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.145.248.287
Lãi vay phải trả	1.877.137.539	2.274.676.464
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	905.871.105	628.151.837
Cổ tức phải trả	356.960.125	359.913.125
Các khoản phải trả khác	6.073.500.533	7.499.119.656
	19.920.808.601	33.416.731.354

(i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

Tại ngày của báo cáo này, các trường đào tạo chưa quyết toán xong các dự án nâng cấp, mở rộng trường nên Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa giải ngân các khoản này.

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	179.247.031.648	302.475.429.773	(240.443.694.590)	(855.707.851)	240.423.058.980
Vay dài hạn đến hạn trả	137.985.579.319	70.628.196.191	(92.980.586.291)	(505.143.645)	115.128.045.574
	317.232.610.967	373.103.625.964	(333.424.280.881)	(1.360.851.496)	355.551.104.554

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	3,0	129.363.032.666	51.987.295.846
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,0	111.060.026.314	127.259.735.802
			240.423.058.980	179.247.031.648

Các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	56.968.404.581	67.997.462.558
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	8.1%	2025	35.966.960.190	42.716.960.190
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2020-2039	1.575.351.510.000	1.596.819.840.335
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	8%	2027	-	2.125.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	2.8%	2027	84.804.160.000	103.399.610.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	2.8%	2028	102.238.805.882	118.447.519.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	8.5%	2028	-	13.006.426.357
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	8.2%	2025	-	3.557.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	2.7%	2025	19.944.884.160	25.745.435.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	7.6%	2024	21.892.752.842	30.649.832.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	2.7%	2024	43.463.866.000	50.916.182.675
				1.940.631.343.655	2.055.381.640.169
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))				(115.128.045.574)	(137.985.579.319)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.825.503.298.081	1.917.396.060.850

(i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 218.309 triệu VND (1/1/2021: 227.715 triệu VND).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 116.298 triệu VND (1/1/2021: 125.357 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2021: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 9(a));

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (–) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

(iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 151.253 triệu VND (1/1/2021: tài sản cố định với giá trị còn lại là 159.298 triệu VND).

(iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 291.926 triệu VND (1/1/2021: 305.570 triệu VND).

(v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 5.090 triệu VND (1/1/2021: 5.090 triệu VND).

(vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	**30/6/2020**
	VND	**VND**
Số dư đầu kỳ	25.703.242.101	21.360.061.995
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 27)	20.000.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(5.152.978.888)	(2.317.501.666)
Số dư cuối kỳ	40.550.263.213	19.042.560.329

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	326.480.116.833	543.092.845.095	5.899.934.894.280
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.704.120.912	-	10.704.120.912
Số dư tại ngày 30/6/2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	337.184.237.745	543.092.845.095	5.910.639.015.192
Số dư tại ngày 1/1/2021	5.000.000.000.000	30.361.932.352	212.682.269.230	543.092.845.095	5.786.137.046.677
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	107.518.072.045	-	107.518.072.045
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2021	5.000.000.000.000	30.361.932.352	300.200.341.275	543.092.845.095	5.873.655.118.722

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	30/6/2021			1/1/2021		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Tập đoàn Vingroup – CTCP	25.000.000	250.000.000.000	5,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	24.800.000	248.000.000.000	4,96%	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	117.761.900	1.177.619.000.000	23,55%	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

29. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 30/6/2021 và ngày 1/1/2021 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	**30/6/2020 VND**
Số dư đầu kỳ	26.297.770.962	28.339.397.982
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
Số dư cuối kỳ	25.276.957.452	27.318.584.472

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	**Tương đương VND**	**Nguyên tệ**	**Tương đương VND**
USD	599.528	13.746.815.750	1.055.089	24.312.262.588
EUR	99.496	2.669.900.728	99.501	2.779.448.070
		16.416.716.478		27.091.710.658

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2021 VND	**1/1/2021 VND**
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	9.214.000.000	259.605.123.454
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	283.098.000.000	100.485.556.546
	292.312.000.000	360.090.680.000

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Bán hàng và dịch vụ gia công	491.558.356.943	489.509.366.088
Doanh thu dịch vụ	50.459.270.991	52.470.207.461
	542.017.627.934	541.979.573.549

33. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	438.744.410.517	462.883.209.892
Dịch vụ đã cung cấp	16.748.152.509	26.474.269.430
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	1.086.012.800	(301.582.227)
	456.578.575.826	489.055.897.095

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	40.702.967.091	59.263.262.933
Cổ tức	14.532.961.220	14.199.064.287
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	19.827.839.752	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.298.192.391	1.041.571.689
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	552.630.617	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.246.105.476
	76.914.591.071	76.750.004.385

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.376.022.354	36.335.033.816
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(25.910.181.381)	2.014.756.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	439.352.027	441.257.534
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.641.804.261
	(6.094.807.000)	42.432.852.028

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.338.775.791	4.914.921.075
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.313.219.253	7.001.015.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.497.611.975	15.675.641.491
Các chi phí bán hàng khác	5.771.942.899	7.817.075.849
	21.921.549.918	35.408.653.956

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.627.561.666	15.934.802.357
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.937.937.915	4.914.650.879
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	778.255.095	1.262.302.230
Chi phí thuê đất và nhà cửa	8.981.178.231	7.694.324.142
Công tác phí	850.611.189	1.900.125.312
Chi phí thuế, phí và lệ phí	310.348.858	108.487.124
Chi phí điện, nước, điện thoại	346.181.749	606.207.474
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.097.501.798	14.082.049.027
	40.929.576.501	46.502.948.545

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	379.920.079.709	396.891.115.275
Chi phí nhân viên	48.548.970.989	41.659.785.634
Chi phí khấu hao và phân bổ	55.386.135.475	56.989.704.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.364.449.474	68.052.286.497
Chi phí khác	1.842.319.316	6.193.728.484

39. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	107.518.072.045	10.704.120.912
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	21.503.614.409	2.140.824.182
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	580.894.578	921.121.354
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	-	699.148.085
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(2.906.592.244)	(2.839.812.857)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(18.033.750.241)	-
Biến động chênh lệch tạm thời	(1.144.166.502)	(921.280.764)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

40. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Chi tiết doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác VND	
1	**Văn phòng Công ty mẹ**	259.396.934.596	179.139.485.944	75.408.357.743	4.849.090.909	70.054.822.634
2	**Các đơn vị phụ thuộc**					
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	166.689.904.377	166.630.078.650	59.825.727	-	21.289.484.034
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	182.097.697.144	180.708.673.056	1.389.024.088	-	16.735.649.274
	Trung tâm Thời trang Vinatex	15.596.550.072	15.539.390.284	57.159.788	-	(547.698.643)
	Nhà máy May Quế Sơn	223.725	-	223.725	-	(14.185.254)
3	**Tổng cộng**	623.781.309.914	542.017.627.934	76.914.591.071	4.849.090.909	107.518.072.045

41. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty con cấp 1 và cấp 2		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	101.342.306.196	67.480.542.782
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	639.947.261	1.114.590.419
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay ngân hàng Phát triển Châu Á	665.033.386	1.321.284.498
Thu nhập lãi vay	-	10.454.618
Thu hồi lãi vay	3.922.571.299	-
Thu hồi gốc vay	6.423.584.350	1.247.037.776
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ngân hàng Phát triển Châu Á	702.514.399	643.533.385
Bù trừ phải thu ngắn hạn khác với phải trả ngắn hạn khác	522.970.203	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Doanh thu cho thuê	9.783.418.518	9.862.112.264
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	600.476.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	411.839.196	475.288.723
Mua hàng hóa	3.040.909	3.461.379.546
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.801.607.235	3.142.315.293
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.872.230.527	3.725.306.105
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.977.748.351	1.814.415.460
Trả hộ	-	750.296.236
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Doanh thu bán hàng hóa	-	969.570.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.428.450	198.560.661
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.476.961.507	7.800.316.967
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.655.155.948	7.059.327.371
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.917.517.675	4.503.685.093
Lãi chậm trả cổ tức	-	2.223.788.410
Cổ tức đã nhận	50.298.581.200	-

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	25.000.000
Mua hàng hóa	-	63.636.400
Cho vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	415.851.361
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.829.764.236	3.190.403.528
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.901.463.357	3.545.295.021
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.008.628.873	21.839.597.127
Lãi chậm trả cổ tức	3.592.293.361	-
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.000.000	25.000.000
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	684.528.930	1.193.571.874
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	711.208.826	1.413.330.806
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	751.291.934	688.364.531
Cổ tức đã nhận	5.111.859.200	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.420.000	25.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	288.225.250	352.137.500
Thu nhập lãi vay	2.256.280.143	2.560.441.668
Thu hồi lãi vay	3.789.553.390	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.133.242.122	1.973.756.786
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.177.665.047	2.339.778.361
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.244.037.501	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Doanh thu bán hàng hóa	4.271.537.790	22.976.569.204
Mua hàng hóa	315.496.455	8.073.000.000
Cổ tức đã chia	14.177.220	2.045.370.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	243.796.190	213.574.518
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	506.980.842	883.944.174
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	526.854.727	2.286.037.180
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	556.548.142	509.822.074
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	3.055.465.397	-

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	**30/6/2020 VND**
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	50.000.000
Cổ tức đã nhận	2.557.875.000	-
Mua cổ phần	-	34.461.056.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Mua hàng hóa	-	812.264.071
Doanh thu cho thuê	7.500.000.000	9.250.000.000
Thu nhập cổ tức	-	4.878.732.174
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	1.693.254.921	-
Bù trừ trả trước cho người bán ngắn hạn với phải trả ngắn hạn khác và phải trả người bán ngắn hạn	6.798.389.740	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Thu hồi gốc vay	23.700.000.000	-
Thu nhập lãi vay	648.372.603	-
Thu hồi lãi vay	549.060.823	-
Trả hộ lãi vay dự án May Tuyên Quang	1.809.078.588	-
Thu hồi lãi vay và gốc vay dự án May Tuyên Quang	13.431.573.664	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Doanh thu cho thuê	3.975.773.000	2.685.216.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.475.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Doanh thu cho thuê	11.573.898.163	13.340.549.331
Doanh thu bán hàng hóa	26.214.401.332	-
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Doanh thu bán hàng hóa	2.760.000	25.815.573
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	333.096.203	637.769.366
Mua hàng hoá	4.024.295.069	148.250.045
Cổ tức đã nhận	12.272.877.600	-
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức đã chia	13.906.784.000	6.953.392.000
Cổ tức đã nhận	13.906.784.000	-

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	254.018.635	229.131.354
Cổ tức đã nhận	1.984.500.000	-
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Cổ tức đã chia	612.000.000	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	946.869.927	897.193.397
Mua hàng hóa	-	18.225.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Mua hàng hóa	37.272.727	-
Cổ tức đã nhận	9.837.828.000	-
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Mua hàng hoá	2.990.364.267	746.228.218
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.664.317.322	1.411.600.355
Mua hàng hóa, dịch vụ	15.399.999	21.818.000
Cổ tức đã nhận	53.623.680.000	-
Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP		
Cổ tức đã nhận	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.550.000	-
Cổ tức đã nhận	1.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Doanh thu cho thuê	523.166.400	393.051.600
Cổ tức đã nhận	3.727.500.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thù lao đã trả	3.639.778.979	3.522.258.591

42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Giảm khoản đầu tư vào công ty con và tăng khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 122/QĐ-TĐDMVN do Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	32.856.238.375
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi của các công ty con	4.748.720.318	-

43. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan và số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 478 /TĐDMVN-TCKT V/v: Giải trình một số vấn đề trong BCTC soát xét bán niên năm 2021	*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG (KPMG) như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2021:

1.1. Ý kiến ngoại trừ về phần lãi trong công ty liên kết

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) và Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (Việt Tiến) là hai công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, trong đó: *i.* Coats Phong Phú là công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – một công ty con của Tập đoàn. Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú; *ii.* Tập đoàn Dệt may Việt Nam sở hữu 30,4% vốn điều lệ của Việt Tiến. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú và Việt Tiến theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ lần lượt là 586 tỷ VND và 440 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2020 (1/1/2021: 591 tỷ VND và 419 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Coats Phong Phú và Việt Tiến lần lượt là 75 tỷ VND và 21 tỷ VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của hai công ty liên kết nêu trên đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, Coats Phong Phú và Việt Tiến cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2021 của Coats Phong Phú và Việt Tiến. Về việc này, Coats Phong Phú và Việt Tiến đã đồng ý cho KPMG được tiếp cận, trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú và Việt Tiến. Tuy nhiên, do Coats Phong Phú không thực hiện kiểm toán BCTC bán niên nên KPMG chỉ có thể được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú cho kỳ kiểm toán năm kết thúc ngày 31/12/2021. Còn về phía Việt Tiến, hiện tại đơn vị này đã có văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc xin gia hạn thời gian công bố BCTC bán niên soát xét, với lý do công ty chưa thực hiện được việc kiểm toán do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 ở khu vực phía nam.

Vì những lý do nêu trên, đến ngày 27/8/2021 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2021 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của hai công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát sét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú và Việt Tiến. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú và Việt Tiến đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2021 của Tập đoàn.

1.2. Ý kiến ngoại trừ về trích lập quỹ lương dự phòng

Công ty CP Dệt May Huế (Dệt may Huế) là một công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021, công ty con này đã ghi nhận khoản dự phòng tiền lương để trả cho công nhân viên cho các kỳ sau với số tiền 80,9 tỷ đồng. Về vấn đề này, Dệt may Huế đang trích trước phần lương phải trả cho công nhân viên cho kỳ sáu tháng cuối năm để đảm bảo cho việc chi trả lương cho người lao động không gặp gián đoạn trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid – 19, khi công ty đang gặp rất nhiều khó khăn do phải triển khai hình thức "ba tại chỗ". Quỹ lương trích trước dự kiến sẽ được sử dụng trước 31/03/2022 và sẽ được hoàn nhập theo quy định của pháp luật nếu không sử dụng hết. Việc trích lập quỹ lương dự phòng này, Dệt may Huế đã có văn bản chấp thuận của Tổng giám đốc, tuy nhiên KPMG cho rằng chứng từ này chưa đủ căn cứ để chứng minh nghĩa vụ nợ hiện tại của công ty với người lao động do đó KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 có sự chênh lệch trên 10%:

Đối với báo cáo tài chính soát xét bán niên Công ty mẹ:

- LNST 6 tháng năm 2021 trên BCTC soát xét riêng: 107.518.072.045 đồng.
- LNST 6 tháng năm 2020 trên BCTC soát xét riêng: 10.704.120.912 đồng.

Chênh lệch tăng: 96.813.951.133 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 904,45% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với báo cáo tài chính soát xét bán niên Hợp nhất:

- LNST 6 tháng năm 2021 trên BCTC soát xét hợp nhất: 585.651.397.303 đồng.
- LNST 6 tháng năm 2020 trên BCTC soát xét hợp nhất: 272.231.555.580 đồng.

Chênh lệch tăng: 313.419.841.723 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 115,13% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ và Hợp nhất toàn Tập đoàn tăng so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do sự đóng góp của lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn. Sau giai đoạn 2019-2020 bị ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh thương mại Mỹ Trung và dịch bệnh Covid – 19 lan rộng trên toàn cầu, thị trường dệt may trong sáu tháng đầu năm 2021 đã có sự phục hồi mạnh với đơn hàng đều đặn và giá bán tốt. Đối với Tập đoàn Dệt may Việt Nam, các đơn vị ngành sợi hầu hết là các đơn vị Tập đoàn chi phối, trong đó có 1 đơn vị Tập đoàn chi phối 100% và 2 chi nhánh phụ thuộc nên kết quả của ngành sợi có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hợp nhất và Công ty mẹ. Nếu như trong năm 2020 ngành sợi đều có kết quả lỗ thì sáu tháng đầu năm 2021

các đơn vị sợi trong Tập đoàn đều có kết quả rất tốt, dẫn đến kết quả chung của Công ty mẹ và toàn Tập đoàn trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm 2021, do khủng hoảng chính trị tại Myanmar, Covid tại Ấn Độ, Bangladesh, nhiều hãng thời trang lớn dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam khiến lượng đơn hàng may dồi dào dẫn đến hiệu quả của các doanh nghiệp may cũng được nâng cao.

Đồng thời Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên đã cải thiện nhiều giải pháp trong quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2021.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100100008 - C.T.C.P
TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Đặng Vũ Hùng